

## BÀN THÊM VỀ NGHĨA CỦA TỤC NGỮ VIỆT

PHẠM THANH HẰNG\*

Với sự phong phú về số lượng và khả năng ứng dụng cao trong đời sống sinh hoạt, tục ngữ từ rất lâu đã được nhiều tác giả đề cập tới. Tuy nhiên đa phần các tác giả chủ yếu thiên về khai thác, nghiên cứu tục ngữ ở tư cách là một thể loại văn học dân gian. Do đó tục ngữ thường chỉ được tìm hiểu ở giá trị phản ánh đời sống, nhận thức, ở những đúc rút kinh nghiệm về tự nhiên, về xã hội. Cách tiếp cận ý nghĩa của tục ngữ từ phương diện ngôn ngữ học hầu như chưa được tìm hiểu một cách hệ thống. Trong bài viết này, sau khi trình bày sơ lược những quan điểm về nghĩa của tục ngữ của các nhà nghiên cứu trong nước, chúng tôi sẽ trình bày sâu hơn quan điểm về nghĩa biểu trưng của tục ngữ – như là một đề nghị về cách hiểu nghĩa của nó từ phương diện ngôn ngữ học.

### 1. Những quan niệm về nghĩa của Tục ngữ<sup>1</sup>

Tục ngữ, kho tri thức dân gian của dân tộc với nội dung phong phú, đa dạng bao quát được nhiều lĩnh vực từ tự nhiên đến xã hội, từ những kinh nghiệm quý báu được đúc kết trong quá trình lao động sản xuất của nhân dân đến những đạo lí mang tính nhân văn sâu sắc. Nhiều câu tục ngữ có tính khái quát cao, mang đậm nét triết lí, thậm chí có những câu tục ngữ còn được coi như chân lí, là kim chỉ nam soi rọi và dẫn dắt con người trong lĩnh vực đối nhân xử thế. Chu Xuân Diên trong cuốn *Tục ngữ Việt Nam*\* đã nói: “Nếu những hiện tượng nêu lên trong tục ngữ được coi như là những hiện tượng tốt, những hiện tượng diễn ra đúng như qui luật tồn tại và phát triển tự nhiên, xã hội con người và cuộc sống đời hỏi, thì những nhận xét, phán đoán, kết luận của tục ngữ được xem như là những căn cứ cho một hành động, một thái độ đối xử nhất định nào đó.”

**1.1.** Bàn về nghĩa của tục ngữ, xuất phát từ việc nhìn nhận tục ngữ từ những bình diện ngôn ngữ khác nhau, các nhà nghiên cứu cũng đưa ra những nhận định và tiêu chí phân loại nghĩa tục ngữ theo quan điểm của riêng mình. Song tựu chung lại, dường như còn có những điểm nào đó chưa thật đồng nhất

\* ThS, Trường ĐHSB Tp.HCM

<sup>1</sup> Chu Xuân Diên – Lương Văn Đăng, Phương Chi (1997), *Tục ngữ Việt nam*, NXB KHXH

nhưng đa số đều thống nhất về tính hai tầng nghĩa của tục ngữ. Theo họ, nghĩa các câu tục ngữ phần lớn mang hai tầng nghĩa: nghĩa đen và nghĩa bóng, cũng có học giả còn chỉ ra nghĩa khái quát, nghĩa biểu trưng của tục ngữ.

Trên thực tế, có những câu tục ngữ chỉ thuần túy mang một nghĩa đen (nghĩa hiển ngôn) nhưng số lượng những câu này không nhiều, chủ yếu nội dung thường là đúc kết những kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp như:

- Nhất nước nhì phân tam cần tứ giống.
- Một nong tầm là năm nong kén

Cũng có thể đây là những câu ghi lại những đặc điểm nổi trội của một địa phương, hay những nhân vật có trong lịch sử :

- Dưa La, cà Láng, nem Báng, tương Bần, nước mắm Vạn Cân, cá rô Đầm Sét.
- Gạo Cần Đức, nước Đồng Nai.

Đó cũng có thể là những nhận thức về qui luật thiên văn :

- Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng bay vừa thì râm.
- Ráng vàng thì nắng, ráng đỏ thì mưa.

Trong tục ngữ có những câu chỉ được hiểu theo nghĩa bóng, chẳng hạn :

- Nồi da nấu thịt.
- Đòi cha ăn mặn, đòi con khát nước

**1.2.** Trần Mạnh Thường<sup>1</sup> trong “Tục ngữ ca dao Việt Nam chọn lọc” cũng khẳng định: “Về hình thức, tục ngữ thường dùng hình ảnh, sự việc, hiện tượng cụ thể có thực trong đời sống xã hội và thiên nhiên để khái quát thành ý niệm trừu tượng. Nói khác đi, tục ngữ thường dùng cái riêng lẻ, cá biệt để nói lên cái phổ biến. Do đó mỗi câu tục ngữ bao giờ cũng bao hàm hai nghĩa: nghĩa đen và nghĩa bóng. Cái cụ thể riêng lẻ sẽ tạo thành nghĩa đen, cái trừu tượng, phổ biến tạo thành nghĩa bóng.”

---

<sup>1</sup> Trần Mạnh Thường (1996), *Tục ngữ ca dao Việt nam chọn lọc*, NXB Văn hóa dân tộc

**1.3.** Cùng quan điểm với Trần Mạnh Thường là Hoàng Tiến Tựu và Bùi Mạnh Nhị, trong đó các ông còn nhấn mạnh đến tính đa nghĩa của tục ngữ. Trong cuốn “Văn học dân gian (Giáo trình đào tạo giáo viên Trung học cơ sở hệ Cao đẳng sư phạm, NXB Giáo dục)”<sup>1</sup> Hoàng Tiến Tựu viết: “Có những câu tục ngữ chỉ có một nghĩa, ... nhưng bộ phận tục ngữ đa nghĩa chiếm tỉ lệ khá lớn, chất lượng khá cao và là bộ phận tiêu biểu nhất của thể loại này.” Theo ông, có loại tục ngữ được dùng với cả hai nghĩa song song (nghĩa đen – nghĩa trực tiếp và nghĩa bóng – nghĩa gián tiếp). Ví dụ các câu “Rút dây động rừng”, “Tức nước vỡ bờ”, “Quá mù ra mưa”... có thể lúc đầu chỉ mang nghĩa đen, nhưng về sau lại chủ yếu được dùng với nghĩa bóng. Ông cho rằng loại tục ngữ nói về các hiện tượng và qui luật tự nhiên có tính khái quát cao, phần lớn đều có thể được dùng theo nghĩa bóng để nói về những hiện tượng và qui luật xã hội, đến đây tác giả cũng có những gợi ý về nghĩa ngữ dụng của tục ngữ “... Nói chung tính chất ngụ ý không nằm trong dụng ý sáng tác ban đầu của tác giả dân gian, mà nảy sinh về sau trong cách hiểu của người sử dụng”, “Nội dung ý nghĩa của mỗi câu tục ngữ không chỉ lệ thuộc vào cách hiểu của những người sáng tác ban đầu, mà còn lệ thuộc rất nhiều vào quan niệm và cách dùng của những người sử dụng về sau”, nhưng ông cũng chú thích thêm rằng “hiện tượng này chỉ có thể diễn ra đối với những câu có tiềm ẩn khả năng mở rộng nghĩa”. “Tiềm ẩn khả năng mở rộng nghĩa” mà ông nói ở đây chính là nói đến nghĩa khái quát (nghĩa bóng) của tục ngữ, nó có thể được sử dụng trong nhiều hoàn cảnh cụ thể khác nhau. Chia sẻ với quan điểm của Hoàng Tiến Tựu, Bùi Mạnh Nhị<sup>2</sup> đưa ra ý kiến của mình: “Nghĩa bóng đã tạo cho tục ngữ khả năng vận dụng năng động vào các trường hợp, và cứ mỗi lần được sử dụng ở những văn cảnh khác nhau thì nội dung, ý nghĩa, kinh nghiệm, những lớp nghĩa nằm bên trong và bên ngoài từ ngữ của nó lại giàu thêm. ... Một câu tục ngữ có thể ứng dụng trong hàng ngàn trường hợp cụ thể khác nhau. Quá trình vận dụng tục ngữ là quá trình tạo nghĩa không ngừng.” Để chứng minh cho nhận định của mình, tác giả còn đưa ra ví dụ cụ thể: Câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” có thể sử dụng trong nhiều hoàn cảnh:

<sup>1</sup> Hoàng Tiến Tựu (1998), *Văn học dân gian Việt nam*, Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP, NXB GD

<sup>2</sup> Bùi Mạnh Nhị (1999), *Văn học dân gian – những công trình nghiên cứu*, NXB GD

- (1) Dân gian dùng để nhắc nhở mọi người ghi nhớ công sinh thành dưỡng dục của ông bà cha mẹ.
- (2) Bày tỏ tình cảm của trò đối với thầy.
- (3) Lòng biết ơn đối với những anh hùng liệt sĩ đã hi sinh.

**1.4.** Từ góc độ ngữ nghĩa học, Hoàng Văn Hành<sup>1</sup> nhận định trong mỗi câu tục ngữ không chỉ có cấu trúc ngữ pháp, mà còn có cấu trúc ngữ nghĩa. Cấu trúc này bao gồm cả những yếu tố thuộc về nội dung miêu tả hiện thực (chức năng định danh) cũng như dụng ý thông báo (chức năng thông tin). Theo tác giả, cấu trúc ngữ nghĩa của tục ngữ giống với cấu trúc ngữ nghĩa của mọi câu nói thông thường vì với nghĩa đen nó cũng biểu thị một cảnh huống (các sự vật hay hiện tượng trong những mối quan hệ với nhau), sự khác nhau giữa chúng là nghĩa đen của tục ngữ thường chỉ dừng lại ở sự đúc kết kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, thiên văn ... kiểu như “ Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa”, “Mưa đàng đông vừa trông vừa chạy”, v.v... Nhưng ngữ nghĩa tục ngữ sẽ được chuyển hóa trong những câu tục ngữ có khả năng ẩn dụ. Ví dụ “ Nước mưa là cửa trời” miêu tả một sự kiện, một hoàn cảnh thực tế, trong đó *cửa trời* thể hiện sức bào mòn ghê gớm của nước mưa, đó chính là qui luật cụ thể của tạo hóa đã được điển hình hóa, ngữ nghĩa những câu tục ngữ thuộc loại này đã không chỉ dừng lại ở tầng nghĩa cơ sở (tầng nghĩa đen). Cũng theo Hoàng Văn Hành, “*tục ngữ nào càng miêu tả đúng những chi tiết, những sự kiện và hoàn cảnh điển hình, thì giá trị tổng kết của nó càng cao và phạm vi ứng dụng của nó càng rộng. Bởi vì chi tiết và hoàn cảnh điển hình do tục ngữ miêu tả ở tầng nghĩa cơ sở trong trường hợp đó đã tạo tiền đề cho những mối liên hệ ngữ nghĩa về sau, ... khiến người ta liên hệ từ những mối quan hệ tất yếu giữa các sự kiện cụ thể trong thiên nhiên đến những mối quan hệ tương tự trong đời sống xã hội*”. Ở đây chúng ta có thể thấy, tuy không biểu đạt một cách cụ thể nhưng tác giả cũng đã gián tiếp thừa nhận tính nhiều nghĩa của tục ngữ, chí ít cũng là nghĩa đen (tầng nghĩa cơ sở) và nghĩa bóng (nghĩa liên hệ). Phan Thị Đào trong “Tìm hiểu thi pháp tục ngữ Việt Nam”<sup>2</sup> khi bàn về nghĩa của tục ngữ cũng khẳng định *mỗi câu tục ngữ có ít nhất là một nghĩa. Những câu có một nghĩa thì hầu hết là nghĩa đen. ... Phần còn lại của tục ngữ là những câu đa*

<sup>1</sup> Hoàng Văn Hành (1980), *Tục ngữ trong cách nhìn của ngữ nghĩa học*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 4

<sup>2</sup> Phan Thị Đào (1999), *Tìm hiểu thi pháp tục ngữ Việt Nam*, NXB Thuận hóa

nghĩa. ... trong quá trình giao tiếp, nghĩa được sử dụng của chúng là nghĩa bóng... nghĩa đen chỉ là nền để nảy sinh nghĩa bóng, để hiểu nghĩa bóng mà thôi. Tác giả cũng nhấn mạnh ý nghĩa khái quát của tục ngữ, ví dụ để có một nhận định khái quát về qui luật làm nghề gì thì được sinh lợi từ sản phẩm ấy (làm nghề gì ăn nghề ấy) thì có các câu tục ngữ *Thợ may ăn giẻ, Thợ vẽ ăn hồ, Thợ bò ăn nan, Thợ hàn ăn thiếc*. Đương nhiên tục ngữ không chỉ mang ý nghĩa khái quát khô khan, sờ dĩ tục ngữ đi vào lòng người và có sức sống mãnh liệt qua các thời đại còn bởi ngôn ngữ giàu hình tượng và tính nhân văn sâu sắc của nó.

**1.5.** Không đồng ý với quan điểm tục ngữ nhiều nghĩa hoặc đa nghĩa như hầu hết các nhà nghiên cứu tục ngữ nêu trên, Nguyễn Xuân Đức<sup>1</sup> trong một số bài viết đăng trong Tạp chí Văn hóa dân gian năm 2000, 2002, 2003 đã kiên trì quan điểm của mình là nên coi tục ngữ chỉ có một nghĩa (nghĩa gắn liền với môi trường ứng dụng). Tiếp cận tục ngữ từ bình diện ngữ dụng học, tác giả cho rằng tục ngữ là một hiện tượng đặc biệt xét từ tính ứng dụng. Qua phân tích nghiên cứu của một số học giả ông cho rằng tuy nói tục ngữ mang nhiều nghĩa (đa nghĩa) nhưng những tác giả này cũng chỉ đưa ra được hai nghĩa mà thôi (nghĩa đen và nghĩa bóng). Cũng theo ông việc xác định nghĩa của câu tục ngữ trên văn bản không phải bao giờ cũng đạt được kết quả chính xác và đầy đủ bởi nghĩa tục ngữ còn gắn liền với ngữ cảnh lúc phát ngôn (*tục ngữ gắn với lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân hơn cả*<sup>2</sup>), tuy nhiên nghĩa tục ngữ của mỗi lần phát ngôn chỉ là một trong tổng thể nghĩa của nhiều lần phát ngôn, như vậy một tục ngữ có thể được ứng dụng trong hàng ngàn trường hợp khác nhau, quá trình vận dụng tục ngữ là quá trình tạo nghĩa không ngừng. Ông kết luận: “Không nên nói tục ngữ có nhiều nghĩa, lại càng không nên nói tục ngữ đa nghĩa... Tục ngữ trên văn bản có từ một đến hai nghĩa, nhưng xét trong môi trường ứng dụng, tức là trong môi trường lưu truyền và tồn tại đích thực thì với mỗi lần phát ngôn chỉ có một nghĩa (có thể là nghĩa đen hay nghĩa bóng) – tức là nghĩa đang được ứng dụng theo mục đích phát ngôn”. Về việc tính một nghĩa của tục ngữ gắn với từng hoàn cảnh phát ngôn cụ thể như quan điểm của Nguyễn Xuân Đức không phải là không có lí, Bùi Mạnh Nhị<sup>3</sup> đã từng khẳng định nhiều hình ảnh trong tục ngữ là những

<sup>1</sup> Nguyễn Xuân Đức, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 4 – 2000, 3 – 2002, 5 – 2003

<sup>2</sup> Đinh Gia Khánh (1997), Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn, Văn học dân gian Việt nam, NXB GD, Hà Nội

<sup>3</sup> Bùi Mạnh Nhị (1999), Văn học dân gian những công trình nghiên cứu, NXB GD

quan sát khoa học, nhưng những hình ảnh này còn mở ra ý nghĩa về sự tương xứng, phù hợp giữa hiện tượng với hoàn cảnh, môi trường và ý nghĩa này sẽ được người sử dụng tục ngữ dùng để nói về nhiều trường hợp trong các văn cảnh khác nhau. Cái thực cụ thể ban đầu đã uyển chuyển đi tới những cái thực tương đồng khác. Hoặc như Hoàng Tiến Tựu<sup>1</sup> cũng đã chỉ ra: Hầu hết những câu tục ngữ nhiều nghĩa đều có phần “ý tại ngôn ngoại”(ý ở ngoài lời). Mà cái phần “ý ở ngoài lời” lại là phần chính thức của những câu tục ngữ ấy. “ý nghĩa mở phù hợp với hoàn cảnh” của Bùi Mạnh Nhị, hoặc “ý ở ngoài lời” của Hoàng Tiến Tựu xét cho cùng cũng chính là nghĩa ngữ dụng mà Nguyễn Xuân Đức đề cập, ở đây phải chăng có thể hiểu rằng các nhà nghiên cứu đã tiếp cận tục ngữ từ các góc độ, các bình diện khác nhau?

**1.6.** Tiếp cận tục ngữ từ góc độ lôgic, nhiều câu tục ngữ được Nguyễn Đức Dân giải mã theo quan hệ lôgic tín hiệu – phạm trù lôgic ý nghĩa. Giải mã nghĩa tục ngữ theo kiểu này tương đối chặt chẽ và chuẩn xác, nó giúp chúng ta hiểu rằng một số câu tục ngữ tuy dùng những phương thức biểu đạt ngôn ngữ khác nhau nhưng lại có cấu trúc lôgic như nhau. Ví dụ :

- (1) Hàng săng chết bó chiếu. -> Thợ làm áo quan, không có áo quan
- (2) Thợ rèn không dao ăn trâu. -> Thợ làm dao, không có dao

Nếu gọi a là sản phẩm của nghề A thì từ hai câu tục ngữ trên ta có thể khái quát như sau: *Người làm nghề A không có sản phẩm a.*

Vậy khái quát đó chính là cấu trúc lôgic hay là bất biến ngữ nghĩa của hai câu tục ngữ (1) và (2). Đặc trưng của mối quan hệ giữa các quan hệ và thuộc tính của chúng đã tạo ra nghĩa cơ bản của tục ngữ. Thực tế cho thấy một số câu tục ngữ là những biến thể ngôn ngữ của một bất biến ngữ nghĩa, bất biến ngữ nghĩa chính là nghĩa khái quát hay nghĩa biểu trưng của tục ngữ.

## 2. Nghĩa biểu trưng của tục ngữ

**2.1. Định nghĩa:** Trong cuộc sống, người ta thường qui ước dùng một sự vật nào đó để nói lên một điều gì khác. Cách dùng như thế gọi là biểu trưng.<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Hoàng Tiến Tựu (1999), *Văn học dân gian Việt nam*, Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP, NXB GD.

<sup>2</sup> Nguyễn Đức Dân (1998), *Lôgic và tiếng Việt*, NXB GD

Đại bộ phận tục ngữ đều có nghĩa bóng, nghĩa bóng của tục ngữ được hình thành theo phương pháp biểu trưng và làm nên nghĩa của tục ngữ.

Chúng ta thử xét các câu tục ngữ:

(1) Lạt mềm buộc chặt.

(2) Không có trâu bắt chó đi cày.

- “ Lạt mềm buộc chặt” nghĩa đen trở một kinh nghiệm thực tiễn trong dân gian, dùng lạt mềm buộc đồ vật thì chặt, dùng lạt cứng thì không chặt và dễ đứt. Từ kinh nghiệm cụ thể được nâng lên mức tư duy trừu tượng, “ Lạt mềm buộc chặt” được chuyển sang nghĩa bóng nói về tác dụng của những hành vi ứng xử khôn khéo trong xã hội, hành vi mềm mỏng sẽ dễ được việc.

Lạt mềm                      -> buộc chặt

Ứng xử mềm mỏng -> thu phục được người

- “Không trâu bắt chó đi cày” nghĩa đen trở một thực tế không thể thực hiện được, từ thực tế dường như vô lí đó dẫn đến nghĩa biểu trưng hàm chứa trong câu là “khi không có cái tốt thì phải thay thế bằng cái kém hơn”, cùng nghĩa biểu trưng đó là các câu “Không có chó bắt mèo ăn cứt”, “Không có ngựa thì cưỡi lừa”.

## **2.2. Sự hình thành nghĩa biểu trưng của tục ngữ**

Chúng ta có thể thấy đại bộ phận nghĩa bóng của tục ngữ được hình thành theo qui luật biện chứng của nhận thức “ Từ trực quan sinh động -> tư duy trừu tượng -> thực tiễn”. Đầu tiên bằng quan sát sự vật, hiện tượng cụ thể, con người tri giác được một cách trực tiếp sự vật hiện tượng qua những biểu hiện bên ngoài của nó, bước tiếp theo là con người phát hiện ẩn sau sự tri giác trực tiếp là một bản chất nếu được trừu tượng hoá sự vật hiện tượng cụ thể đó. Gạt bỏ vỏ ngữ âm bên ngoài, đi sâu vào bản chất sự vật, hiện tượng bằng cách trừu tượng hoá, chúng ta thấy nổi lên một sự khái quát chung như là một qui luật bao quát một số hiện tượng về bản chất không chỉ xảy ra chỉ ở một cá thể, mà còn có thể xảy ra ở nhiều sự vật, hiện tượng có cùng bản chất đó. Lúc này, nghĩa của tục ngữ không chỉ dừng lại ở nghĩa hiển ngôn nữa nó còn mang trong mình một nghĩa khái quát, có thể đại diện cho nhiều câu tục ngữ với các chất liệu tạo thành khác nhau, đó chính là nghĩa bóng của tục ngữ. Đại bộ phận tục ngữ đều có nghĩa bóng, nghĩa

bóng của tục ngữ được hình thành theo phương pháp biểu trưng và làm nên nghĩa của tục ngữ.

Nghĩa biểu trưng của tục ngữ được hình thành từ cách dùng hình ảnh cụ thể để phản ánh cái khái quát, qui luật. Hiểu được nghĩa biểu trưng chúng ta sẽ thuận lợi hơn khi lí giải nghĩa của tục ngữ tương tự, dù đó là những tục ngữ của dân tộc khác mà ta mới gặp lần đầu.

Xét các câu tục ngữ sau:

- (1) Vắng chúa nhà, gà vọc niêu tôm. (Tục ngữ Việt Nam)
- (2) Sơn trung vô lão hồ, hầu tử xưng bá vương. (Tục ngữ Hán)  
(Trong núi vắng hồ, khí xưng vua)
- (3) Mèo đi ròi, chuột nhảy múa. (Tục ngữ Pháp)

Cả ba câu trên tuy dùng những hình ảnh cụ thể khác nhau (“chúa nhà, hồ, mèo” biểu trưng cho tầng lớp có quyền hành, cấp trên; “gà, khí, chuột” biểu trưng cho tầng lớp dưới, cấp dưới.) nhưng đều phản ánh một hiện thực mang tính qui luật: *Khi vắng cấp trên thì cấp dưới có thể làm mọi chuyện*. Dựa vào phương pháp biểu trưng chúng ta có thể hiểu được ba câu tục ngữ trên là đồng nghĩa.

Tìm hiểu, nghiên cứu tục ngữ Việt và Hán chúng tôi nhận thấy chính hình ảnh biểu trưng trong tục ngữ cũng mang đậm nét tính dân tộc. Nước Việt Nam là một nước nông nghiệp, văn hoá lúa nước gắn liền với đời sống sản xuất nông nghiệp của nhà nông. Chúng ta có thể nhận thấy rõ đặc điểm này qua nhiều câu tục ngữ phản ánh cuộc sống nông dân với những kinh nghiệm làm nông dõ dào, phong phú: “Con trâu là đầu cơ nghiệp”, “Con trâu đi trước cái cày theo sau”. Những hình ảnh này đã ăn sâu trong tiềm thức của người Việt từ bao đời nay. Qua khảo sát sự xuất hiện của các loại động vật trong tục ngữ Việt, hình ảnh con trâu có tần số xuất hiện cao nhất (trên 30 lần). Con trâu trong tục ngữ Việt tượng trưng cho người nông dân Việt Nam nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung với sự khoẻ mạnh và cả những vất vả, khó nhọc. Con trâu là trung tâm cuộc sống của người nông dân.



Ví dụ :

- Anh có sừng trâu bạc, tôi có giác trâu đen.
- Có ăn có chọi mới gọi là trâu.
- Lạc đàng nắm đuôi chó, lạc ngõ nắm đuôi trâu.
- Muốn giàu nuôi trâu cái, muốn lụn bại nuôi bò cái.
- Ruộng sâu trâu nái không bằng con gái đầu lòng.
- Trai mười bảy bẻ gãy sừng trâu.
- Trâu chậm uống nước đục, trâu ngựa ăn cỏ héo.
- Yếu trâu bằng khoẻ bò.

Trong khi đó, đề tượng trưng cho sức mạnh mọi người phải nể sợ, tục ngữ Hán lại dùng hình ảnh con hổ. Con hổ cũng chính là hình ảnh động vật được xuất hiện nhiều nhất trong tục ngữ Hán (khoảng trên 60 câu).

Ví dụ :

- 虎大伤人 Hồ đại thương nhân : người xấu có thể lực hay làm hại người khác.
- 虎老雄心在 Hồ lão hùng tâm tại: người già nhưng ý chí kiên cường.
- 虎嘴上拔毛 Hồ chủy thượng bạt mao: nhổ râu trên mõm hổ -> việc làm nguy hiểm.
- 老虎插翅膀 Lão hổ tháp si bàng: hổ mọc cánh. -> đã mạnh càng thêm mạnh.
- 老虎嘴里拔牙 Lão hổ chủy lí bạt nha: đi đến nơi nguy hiểm để hoàn thành nhiệm vụ gian khó.

“Có thực mới vực được đạo”, nắm vững qui luật “Vật chất quyết định tinh thần”, một điều thú vị là trong nhiều câu tục ngữ dân Việt ta đã sử dụng động từ “ăn” biểu trưng cho nhiều qui luật đối nhân xử thế hoặc bản chất hiện tượng:

- Ăn trông nổi, ngồi trông hướng.

- Khéo ăn thì no, khéo co thì ốm.
- Thợ may ăn giẻ, thợ vẽ ăn hồ.
- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- Ăn cây nào rào cây nấy.

Nói chung các hình ảnh cụ thể được dùng làm biểu trưng trong tục ngữ đều là những sự vật, hình ảnh gần gũi quen thuộc với quần chúng. Đó là cây, là hoa, là những động vật ..v.v... gắn liền với cuộc sống hàng ngày của nhân dân lao động. Chúng đã được hoá thân một cách sinh động vào trong tục ngữ, thổi hồn dân tộc vào tục ngữ. Bằng phương pháp biểu trưng như vậy, những chân lí, đạo lí và những kinh nghiệm truyền thống của dân tộc đã được người dân lĩnh hội, thấm nhuần sâu sắc và cứ như vậy chúng đã đi vào cuộc sống của dân tộc một cách hết sức dung dị, đời thường.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Bùi Mạnh Nhị (chủ biên) (1999), *Văn học dân gian – những công trình nghiên cứu*, Nxb Giáo dục.
- [2]. Chu Xuân Diên, Lương Văn Đương, Phương Chi (1997), *Tục ngữ Việt nam*, NXB Khoa học Xã hội.
- [3]. Hoàng Tiến Tựu (1998), *Văn học dân gian Việt nam*, Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP, Nxb Giáo dục.
- [4]. Hoàng Văn Hành, (1980), *Tục ngữ trong cách nhìn của ngữ nghĩa học*, Tạp chí Ngôn ngữ, Số 4.
- [5]. Nguyễn Đức Dân (1986), *Ngữ nghĩa thành ngữ và tục ngữ, sự vận dụng*, Tạp chí Ngôn ngữ số 3.
- [6]. Nguyễn Đức Dân (1998), *Lôgic và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
- [7]. Nguyễn Thái Hoà (1997), *Tục ngữ Việt nam – Cấu trúc và thi pháp*, Nxb Khoa học Xã hội.
- [8]. Nguyễn Văn Đức, (2000), *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 4 năm 2000, 3 năm 2002, 5 năm 2003.
- [9]. Nguyễn Văn Khang (1999), *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Hán*, Nxb Khoa học Xã hội.

- [10]. Nguyễn Xuân Kính (Chủ tịch hội đồng biên tập) (2002), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
- [11]. Phan Thị Đào (1999), *Tìm hiểu thi pháp tục ngữ Việt nam*, Nxb Thuận Hóa.
- [12]. Trần Mạnh Thường (1996), *Tục ngữ ca dao Việt nam chọn lọc*, Nxb Văn hóa Dân tộc.
- [13]. Từ Tông Tài, Ứng Tuấn Linh (1987), *Thường dụng tục ngữ thủ sách*, Nhà xuất bản Học viện Ngôn ngữ Bắc Kinh.
- [14]. Vũ Ngọc Phan (1978), *Tục ngữ – Ca dao – Dân ca Việt nam*, Nxb Khoa học Xã hội.

Tóm tắt

### **Bàn thêm về nghĩa của tục ngữ Việt**

Với sự phong phú về số lượng và khả năng ứng dụng cao trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, tục ngữ từ rất lâu đã được nhiều học giả chú ý nghiên cứu từ nhiều phương diện. Bài viết này trình bày sơ lược, có tính chất điểm lại những quan điểm về nghĩa tục ngữ của các nhà nghiên cứu trong nước, đồng thời trình bày sâu hơn quan điểm về nghĩa biểu trưng của tục ngữ một cách hiểu nghĩa của tục ngữ từ phương diện ngôn ngữ học.

**Abstract**

### **Further interpretations of Vietnamese proverbs**

Impressed by the richness of proverbs in quantity and practical applicability, many scholars have studied proverbs from many perspectives. This article gives a short review of the various perspectives presented by Vietnamese researchers, then focuses on the symbolic interpretation of proverbs from a linguistic perspective.